TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN BIÊN** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 18/4/2022
"V/v ly hôn, nuôi con, TCHĐ vay tài sản và yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho QSD đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN-TỈNH KIÊN GIANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông Hà Minh Hằng.

2- Bà Nguyễn Ngọc Duyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mau, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang: Bà Lai Thị Ngọc Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 05/2020/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 01 năm 2020 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, tranh chấp hợp đồng vay tài sản và yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho QSD đất" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 03 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 29/2022/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Anh Hà Quang Q, sinh năm 1967 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của anh Hà Quang Q: Luật sư Trần Quang Ánh, Văn phòng luật sư Quang Ánh, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Kiên Giang (có mặt).

2- Bị đơn: Chị Huỳnh Thị B, sinh năm 1975 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

3- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Phan Thị K, sinh năm 1982 (vắng mặt)

HKTT: Khu phố Đ, thị trấn T, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở hiện nay: Lô 8, căn 17 Phan Thị R, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

- Anh Huỳnh Hồng D, sinh năm 1973 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp P, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 03/9/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Hà Quang Q trình bày và yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Anh Q và chị Huỳnh Thị B kết hôn với nhau vào năm 1990, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán ở địa phương, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng chung sống thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là không hòa hợp nhau, thường cự cải nhau. Từ đó, vợ chồng đã ly thân gần 04 năm nay. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên anh yêu cầu xin ly hôn với chị Huỳnh Thị B.

Về con chung: Có 02 người con tên Hà Chí C, sinh năm 1991 (hiện đã có gia đình riêng) và Hà Kiều A, sinh ngày 12/11/2003 (hiện đang sống với chị B). Nay anh đồng ý giao con Hà Kiều A cho chị B chăm sóc, nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con. Còn Hà Chí C đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Đối với khoản nợ mà chị Phan Thị K đã yêu cầu thì anh hoàn toàn không biết việc chị B vay tiền của chị K. Trong thời gian qua vợ chồng có mua bán phế liệu cũng có vay vốn của ngân hàng và đã trả dứt nợ cho Ngân hàng ngoài ra không có nợ ai khác, do đó yêu cầu của chị K là không có cơ sở nên anh không đồng ý cùng chị B trả khoản nợ này mà giữa chị Bvới chị K tự thanh toán với nhau.

Đối với yêu cầu của chị Phan Thị K về yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho QSD đất thì anh có ý kiến như sau: Vào tháng 9/2019, anh có gửi đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị B, tuy nhiên không yêu cầu giải quyết về tài sản. Đến tháng 02/2020 anh và chị B đã đến Văn phòng Công chứng huyện An Biên để làm thủ tục phân chia tài sản chung của vợ chồng cụ thể như sau:

Anh được quyền sử dụng đất nông nghiệp diện tích là 33.147m^2, tọa lạc tại ấp Đông Thành, xã Đông Thái, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang (đã có giấy chứng nhận QSD đất số 869989 ngày 18/12/2000 và số 982255 ngày 13/4/2006 do anh Hà Quang Q đứng tên).

Chị B được quyền sử dụng: Diện tích đất vườn tạp 762m^2 và 01 căn nhà cấp 4, tọa lạc tại ấp Đông Thành, xã Đông Thái, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang (Diện tích đất trên đã có giấy chứng nhận QSD đất số BT 129587 do anh Hà Quang Q đứng tên). Sau khi phân chia tài sản đã có hiệu lực pháp luật thì anh đã nhận đất, còn chị B

tiếp tục làm thủ tục tặng cho QSD đất lại cho anh Huỳnh Hồng D và đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận QSD đất cho anh Huỳnh Hồng D đúng theo quy định. Vì vậy, chị K yêu cầu hủy hợp đồng tặng choQSD đất là không có cơ sở nên anh không đồng ý.

Bị đơn chị Huỳnh Thị B trình bày như sau: Chị thừa nhận theo lời trình bày của anh Hà Quang Q nêu trên về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung là hoàn toàn đúng.

Theo yêu cầu của anh Q thì chị có ý kiến như sau:

Về hôn nhân: Chị đồng ý ly hôn với anh Hà Quang Q.

Về con chung: Chị đồng ý nuôi cháu Hà Kiều A, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con. Còn cháu Hà Chí C đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Đối với chị Phan Thị K yêu cầu vợ chồng chị cùng trả khoản nợ là chị không đồng ý. Bởi vì, chị thừa nhận có hỏi vay của chị K số tiền 107.000.000đ, nhưng trong đó gốc là 70.000.000đ và tiền lãi là 37.000.000đ (chị không có tài liệu chứng cứ để chứng minh). Chị xác định đây là nợ riêng của chị và không có liên quan gì đến anh Q. Nay chị đồng ý trả cho chị K số tiền 107.000.000đ, nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên xin trả dần mỗi tháng cho chị K là 5.000.000đ cho đến khi dứt nợ.

Đối với chị Phan Thị K yêu cầu Tòa án giải quyết hủy hợp đồng tặng cho QSD đất thì chị có ý kiến như sau: Vào năm 2019 chị và anh Hà Quang Q có xảy ra mâu thuẫn nên anh Q làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, còn phần tài sản vợ chồng tự thỏa thuận mà không yêu cầu giải quyết. Sau đó chị và anh Q đến phòng Công chứng để phân chia tài sản gồm: Anh Q đất nông nghiệp diện tích là 33.147m^2 và chị được quyền sử dụng diện tích đất vườn tạp 762m^2 và 01 căn nhà cấp 4, đều tọa lạc tại ấp Đông Thành, xã Đông Thái, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang và đã được cơ quan có thẩm quyền chấp nhận. Sau khi phân chia tài sản xong thì chị làm thủ tục tặng cho QSD đất lại cho anh Huỳnh Hồng D (là anh ruột của chị) phần đất mà chị được chia là 762m^2 và đã được cơ quan có thẩm quyền chấp nhận sang tên cho anh Huỳnh Hồng D là hợp pháp. Còn đối với khoản nợ của chị K hai bên giao dịch là hoàn toàn tự nguyện và cũng không có thế chấp tài sản gì. Vì vậy, chị K yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho QSD đất giữa chị, anh Hà Quang Q với anh Huỳnh Hồng D là không có căn cứ nên chị không đồng ý.

Theo đơn yêu cầu độc lập ngày 11/02/2020 và quá trình giải quyết vụ án chị Phan Thị K trình bày và yêu cầu như sau: Vào ngày 15/01/2020 chị Huỳnh Thị B có hỏi vay của chị số tiền là 107.000.000đ, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng, chị B hứa 15

ngày sẽ trả đủ tiền gốc và tiền lãi cho chị. Việc vay tiền thì chỉ có chị B trực tiếp viết biên nhận và nhận tiền còn anh Q không có mặt chứng kiến, mục đích vay tiền là để làm ăn. Sau khi vay tiền từ đó cho đến nay chị B không trả nợ cho chị. Nay chị yêu cầu vợ chồng chị B và anh Q cùng thực hiện trả nợ cho chị số tiền gốc là 107.000.000đ và lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày 15/01/2020 cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Theo đơn khởi kiện ngày 01/7/2020 chị Phan Thị K trình bày và yêu cầu như sau: Ngày 11/02/2020 chị có làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng chị Huỳnh Thị B và anh Hà Quang Q có nghĩa vụ trả cho chị số tiền vay là 107.000.000đ và tính lãi suất theo quy định của pháp luật. Tòa án thụ lý giải quyết vụ án ngày 20/5/2020, trong quá trình giải quyết vụ án thì chị phát hiện vợ chồng chị B và anh Q đã tự phân chia tài sản và làm thủ tục tặng cho QSD đất của chị B và anh Q cho anh Huỳnh Hồng D diện tích là 762m^2, tọa lạc tại ấp Đông Thành, xã Đông Thái, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang theo giấy chứng nhận QSD đất số BT 129587 của Ủy ban nhân dân huyện An Biên cấp cho ông Hà Quang Q đứng tên nhằm mục đích để tẩu tán tài sản không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho chị.

Vì vậy, chị yêu cầu Tòa án giải quyết hủy hợp đồng tặng cho QSD đất giữa chị Huỳnh Thị B, anh Hà Quang Q và anh Huỳnh Hồng D.

Tại tờ trình ngày 04/8/2020 và biên bản ghi lời khai ngày 21/8/2020 anh Huỳnh Hồng D trình bày như sau: Anh là anh ruột của chị Huỳnh Thị B, trong thời gian qua do chị B làm ăn thất bại nên có hỏi mượn của anh 1 tỷ đồng, nhưng sau đó vợ chồng chị B và anh Q không còn hạnh phúc và đã khởi kiện ra tòa xin ly hôn, còn tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận phân chia. Đến tháng 02/2020 chị B và anh Q đến phòng Công chứng làm thủ tục phân chia tài sản chung cụ thể: Anh Q được quyền sử dụng đất nông ngiệp diện tích là 33.147m^2, còn chị B được quyền sử dụng đất vườn tạp diện tích 762m^2 và 01 căn nhà cấp 4.

Sau khi phân chia tài sản xong, do chị B không có khả năng trả nợ cho anh nên chị B đã đồng ý bán diện tích đất và 01 căn nhà ở nêu trên lại cho anh. Tuy nhiên khi làm thủ tục do anh em ruột với nhau nên làm hợp đồng tặng cho tài sản và đã được đăng ký biến động hợp pháp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện An Biên vào ngày 02/6/2020 và trong thời giang làm thủ tục tặng cho tài sản thì không có ai tranh chấp gì. Vì vậy, yêu cầu của chị K là không có cơ sở nên anh không đồng ý. Hiện nay anh chưa có thế chấp giấy chứng nhận QSD đất ở tổ chức tính dụng nào.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Hà Quang Q trình bày và yêu cầu như sau: Anh vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu như đã nêu trên. Tuy nhiên về con chung trước đây

anh có yêu cầu giao con tên Hà Kiều A cho chị B nuôi dưỡng. Nhưng đến nay các con đều trưởng thành nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Huỳnh Thị B trình bày như sau:

Về hôn nhân: Chị đồng ý ly hôn với anh Hà Quang Q.

Về con chung: Hiện nay các con đã trưởng nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa giải quyết,

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về khoản nợ mà chị Phan Thị K yêu cầu, chị thừa nhận trước đây có vay tiền của chị K tiền gốc là 50.000.000đ, lãi suất 3.000.000đ/tháng/50.000.000đ, trong thời gian qua chị không trả tiền lãi cho chị K nên đến ngày 15/01/2020 hai bên chốt nợ lại thì tiền lãi chị phải trả là 57.000.000đ chị K nhập vào tiền gốc mới lên số tiền 107.000.000đ và chị đồng ý ký biên nhận nợ cho chị K (nhưng chị không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh). Chị xác định đây là nợ cá nhân của chị chứ anh Hà Quang Q không có liên quan gì. Nay chị đồng ý trả cho chị K số tiền 107.000.000đ và xin trả dần mỗi tháng 5.000.000đ cho đến khi dứt nợ, còn tiền lãi thì chị không đồng ý trả cho chị K.

Về yêu cầu của chị Phan Thị K yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho QSD đất thì chị vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày nêu trên là không đồng ý theo yêu cầu của chị K.

Luật sư Trần Quang Ánh là người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho anh Hà Quang Q trình bày quan điểm của mình như sau:

Về hôn nhân: Anh Hà Quang Q và chị Huỳnh Thị B không có đăng ký kết hôn, do đó đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Hà Quang Q và chị Huỳnh Thị B.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Về yêu cầu của chị Phan Thị K yêu cầu anh Hà Quang Q cùng có trách nhiệm trả khoản nợ cho chị K là không có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận. Bởi vì, khi chị B và chị K giao dịch vay tiền thì anh Q hoàn toàn không hay biết và chị B cũng thừa nhận chị vay tiền của chị K là cá nhân của chị chứ anh Q không có liên quan gì, do đó chị B có trách nhiệm trả cho chị K số tiền đã vay.

Đối với chị Phan Thị K yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho QSD đất, xét thấy hợp đồng tặng cho QSD đất này là giữa chị Huỳnh Thị B với anh Huỳnh Hồng D, còn anh Hà Quang Q không có liên quan gì nên không có ý kiến gì về yêu cầu này.

Quan điểm của đại viện Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tuân thủ và chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

Về giải quyết vụ án:

Xét thấy yêu cầu của anh Hà Quang Q là có cơ sở chấp nhận:

Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Hà Quang Q và chị Huỳnh Thị B.

Về con chung: Hiện nay các cháu tên Hà Chí C, sinh năm 1991 và Hà Kiều A, sinh ngày 12/11/2003 đã trưởng thành và anh và chị B không có yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung: Anh Hà Quang Q và chị Huỳnh Thị B không có yêu cầu nên không xem xét.

Về nợ chung: Anh Hà Quang Q và chị Huỳnh Thị B thừa nhận không có và có không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Chấp nhận một phần yêu cầu của chị Phan Thị K về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với chị Huỳnh Thị B và anh Hà Quang Q.

Buộc chị Huỳnh Thị B có nghĩa vụ trả cho chị Phan Thị K số tiền vay là 107.000.000đ và tính lãi theo quy định của pháp luật.

Không chấp nhận yêu cầu của chị Phan Thị K về yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho QSD đất đối với chị Huỳnh Thị B, anh Hà Quang Q và anh Huỳnh Hồng D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn, về nuôi con, tranh chấp hợp đồng vay tài và yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho QSD đất và bị đơn trong vụ án có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Huỳnh Hồng D được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với anh Huỳnh Hồng D.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phan Thị K đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy, chị K đã có lời

trình bày và yêu cầu rõ ràng được thể hiện trong hồ sơ vụ án, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận và xét xử vắng mặt đối với chị Phan Thị K.

[3] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Anh Hà Quang Q và chị Huỳnh Thị B kết hôn với nhau năm 1990 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân của anh Q và chị B là không hợp pháp.

Tại Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

"1. Tòa án thụ lý đơn yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

2. Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này".

Khoản 1 Điều 14 luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

"1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này".

Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Hà Quang Q và chị Huỳnh Thị B.

Về con chung: Anh Hà Quang Q và chị Huỳnh Thị B có 02 người con tên Hà Chí C, sinh năm 1991 và Hà Kiều A, sinh ngày 12/11/2003, hiện nay đã trưởng thành và anh Q, chị B không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung: Anh Hà Quang Q và chị Huỳnh Thị B tự thỏa thuận và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Anh Hà Quang Q và chị Huỳnh Thị B thừa nhận không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Xét về yêu cầu của chị Phan Thị K về việc yệu cầu anh Hà Quang Q và chị Huỳnh Thị B cùng thực hiện trả nợ cho chị số tiền gốc là 107.000.000đ và lãi suất theo quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị Phan Thị K và chị Huỳnh Thị B đều thừa nhận vào ngày 15/01/2020 chị B có vay tiền của chị K số tiền gốc là 107.000.000đ, việc vay tiền này do chị B trực tiếp viết biên nhận nợ và nhận tiền chủa chị K còn anh Hà Quang Q hoàn toàn không biết chị B vay tiền của chị K. Hơn nữa, trước khi chị B vay tiền của chị K thì giữa anh Q và chị B đã mâu

thuẫn với nhau và anh Q có làm đơn khởi kiện xin ly hôn với chị B đề ngày 03/9/2019 và được Tòa án thụ lý vào ngày 02/01/2020, còn thời gian vay tiền theo biên nhận nợ ngày 15/01/2020. Từ đó, xác định đây là nợ riêng của chị Huỳnh Thị B nên không buộc anh Hà Quang Q cùng có trách nhiệm trả số tiền cho chị K mà chỉ buộc chị B trả cho chị K số tiền gốc là 107.000.000đ và lãi suất theo quy định của pháp luật.

Về lãi suất: Chị Phan Thị K yêu cầu chị B trả lãi suất theo quy định của pháp luật tính từ ngày vay tiền ngày 15/01/2020 cho đến khi giải quyết xong vụ án. Hội đồng xét xử, xét thấy việc tiền hai bên không thỏa thuận được lãi suất (tại biên nhận nợ cũng không có thể hiện lãi suất bao nhiêu) và tại phiên tòa hôm nay chị B không đồng ý trả lãi suất cho chị K cho nên hai bên đã tranh chấp về lãi suất. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 buộc chị Huỳnh Thị B phải trả tiền lãi cho chị K với mức lãi suất 10%/năm (tương ứng 0,83%/tháng), lãi suất được tính cụ thể như sau: Số tiền gốc là 107.000.000đ x 0,83%/tháng x 27 tháng 03 ngày (từ ngày 15/01/2020 đến ngày 18/4/2022) = 24.067.509đ (lấy tròn số là 24.067.500đ).

Xét về yêu cầu của chị Huỳnh Thị B xin trả dần số tiền cho chị K mỗi tháng 5.000.000đ và không đồng ý trả tiền lãi suất cho chị K là không chấp nhận. Bởi vì, số tiền khá lớn trả như vậy sẽ kéo dài thời gian làm thiệt thòi cho chị K và việc vay tiền hai bên đều thừa nhận có lãi suất.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Phan Thị K về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với chị Huỳnh Thị B.

Không chấp nhận yêu cầu của chị Phan Thị K về yêu cầu anh Hà Quang Q cùng có trách nhiệm với chị Huỳnh Thị B trả nợ cho chị.

Buộc chị Huỳnh Thị B có trách nhiệm trả cho chị Phan Thị K tổng cộng số tiền là 131.067.500đ (trong đó tiền gốc là 107.000.000đ, tiền lãi suất là 24.067.500đ).

[5] Xét yêu cầu của chị Phan Thị K về việc yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho QSD đất đối với chị Huỳnh Thị B, anh Hà Quang Q và anh Huỳnh Hồng D là không có cơ sở. Bởi vì, tại công văn số 1191/STNMT-VPĐK ngày 13/9/2021 của Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Kiên Giang trả lời như sau: Vào ngày 25/5/2020 bà Huỳnh Thị B lập hợp đồng tặng cho QSD đất cho ông Huỳnh Hồng D. Hợp đồng tặng cho QSD đất giữa bà Huỳnh Thị B và ông Huỳnh Hồng D được Ủy ban nhân dân xã Đông Thái chứng thực số: 188, ngày 26/5/2020. Đến ngày 02/5/2020, Chi nhánh văn phòng Đăng ký đất đai huyện An Biên chỉnh lý biến động tặng cho qua tên ông Huỳnh Hồng D sử dụng.

Về trình tự thủ tục và thành phần hồ sơ tặng cho QSD đất cho ông Huỳnh Hồng D đúng theo quy định của pháp luật đất đai.

Hơn nữa, giữa chị K và chị Bích thỏa thuận hợp đồng vay tiền với nhau là do hai bên tự nguyện và cũng không có thế chấp QSD đất đang tranh chấp này và trong quá trình làm thủ tục tặng cho QSD đất cho ông Huỳnh Hồng D chị K cũng không có tranh chấp, ngăn cản gì đến việc tặng cho QSD đất nêu trên.

Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của chị Phan Thị K về yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho QSD đất giữa chị Huỳnh Thị B và anh Huỳnh Hồng D lập ngày 25/5/2020.

[6] Về án phí:

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Hà Quang Q phải chịu tiền án phí 300.000đ, nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ. Vậy anh Q đã nộp đủ tiền án phí.

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu tranh chấp hợp đồng vay tài sản của chị Phan Thị K được chấp nhận nên chị Huỳnh Thị B phải chịu tiền án phí 131.067.500đ x 5% = 6.553.375đ (lấy tròn số 6.553.000đ).

Do yêu cầu hủy giấy hợp đồng tặng cho QSD đất của chị Phan Thị K không được chấp nhận nên chị K phải chịu tiền án phí 300.000đ, nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ. Vậy chị K đã nộp đủ tiền án phí.

Hoàn trả lại cho chị Phan Thị K số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.675.000đ, theo lai thu số 0008541 ngày 29/4/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

Xét quan điểm của Luật sư người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho anh Hà Quang Q và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 457, Điều 458, Điều 459 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 100, Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013 và khoản 2, khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án và Điều 26, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1- Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Hà Quang Q và chị Huỳnh Thị B.

2- Về con chung: Hiện nay các con của anh Hà Quang Q và chị Huỳnh Thị B đã trưởng thành và không có yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

3- Về tài sản chung: Anh Hà Quang Q và chị Huỳnh Thị B không có yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4- Về nợ chung: Anh Hà Quang Q và chị Huỳnh Thị B thừa nhận không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

5- Về nợ riêng: Chấp nhận một phần yêu cầu của chị Phan Thị K về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với chị Huỳnh Thị B và anh Hà Quang Q.

Buộc chị Huỳnh Thị B có trách nhiệm trả cho chị Phan Thị K số tiền vay tổng cộng là 131.067.500đ (một trăm ba mươi mốt triệu không trăm sáu mươi bảy ngàn năm trăm đồng). Trong đó, tiền gốc là 107.000.000đ (một trăm lẽ bảy triệu đồng) và tiền lãi suất là 24.067.500đ (hai mươi bốn triệu không trăm sáu mươi bảy ngàn năm trăm đồng).

Kể từ ngày chị Phan Thị K có đơn yêu cầu thi hành án mà chị Huỳnh Thị B không trả hoặc trả không đủ số tiền cho chị Khỏe thì chị Bích còn phải trả thêm lãi cho chị K theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 trên số tiền còn lại.

6- Không chấp nhận yêu cầu của chị Phan Thị K về việc yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho QSD đất đối với chị Huỳnh Thị B, anh Hà Quang Q và anh Huỳnh Hồng D lập ngày 25/5/2020.

7- Về án phí:

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Hà Quang Q phải chịu tiền án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), theo lai thu số 0008278 ngày 16/12/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Vậy anh Q đã nộp đủ tiền án phí.

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc chị Huỳnh Thị B phải chịu tiền án phí là 6.553.000đ (sáu triệu năm trăm năm mươi ba ngàn đồng).

Buộc chị Phan Thị K phải chịu tiền án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), theo lai thu số 0008651 ngày 21/7/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Vậy chị K đã nộp đủ tiền án phí.

Hoàn trả lại cho chị Phan Thị K số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.675.000đ (hai triệu sáu trăm bảy mươi lăm ngàn đồng), theo lai thu số 0008541 ngày 29/4/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

8. Báo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm báo cho anh Hà Quang Q và chị Huỳnh Thị B có mặt biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (18/4/2022). Đối với chị K và anh D vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

9. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- THADS huyện An Biên;
- UBND xã Đông Thái;.
- Các đương sự;
- Lưu Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký và đóng dấu

Phạm Thanh Tâm